TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 115/2024/DS-PT Ngày: 15-5-2024 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng và bà Phan Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Trương Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2023/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H); Địa chỉ: B Bis N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh G, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP – Chi nhánh A (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2023).

Theo văn bản ủy quyền ngày 11/9/2023, ông Huỳnh Thanh G ủy quyền lại cho:

1. Ông Ngô Hà Thái Quang V, sinh năm 1986 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP P – Phòng G2. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Thế B, sinh năm 1982 – Chức vụ: Trưởng bộ phận Ngân hàng TMCP P – Phòng G2; (có mặt)

Địa chỉ Phòng G2: Số A L, Tổ A, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thành T1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Thành T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thế B trình bày:

Vào ngày 26/02/2020 ông Nguyễn Thành T1 đến ngân hàng TMCP P (H) - Phòng G2 để ký kết Hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 26/02/2020 đến ngày 26/02/2025, lãi suất cho vay là 11,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kèm theo hợp đồng tín dụng là Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 04/3/2021, thời hạn vay 05/3/2021 đến ngày 04/3/2022.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông T1 đã thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 846726 số vào sổ cấp giấy 03143 QSDĐ/pL do UBND huyện A cấp ngày 28/10/2002 có diện tích 756,4 m^2 mang tên Nguyễn Thành T1 theo hợp đồng thế chấp số 0266/18/HĐBĐ-209 ngày 16/3/2018.

Đến ngày 08/4/2021, ông T1 ký kết Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD/PL01 ngày 08/4/2021 để vay thêm số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 04/5/2021, ông T1 đề nghị cấp thẻ tín dụng, hạn mức được cấp trong thẻ 50.000.000 đồng. ông T1 đã sử dụng thẻ từ ngày 07/8/2021, tổng số tiền ông T1 sử dụng 40.591.352 đồng.

Kể từ thời điểm nhận tiền cho đến nay, ông T1 trả cho ngân hàng được số tiền như sau:

- Đối với tiền gốc 500.000.000 đồng: ông T1 trả 235.125.129 đồng, lãi suất quá hạn đến ngày 15/12/2023 là 105.096.303 đồng, số tiền phải trả 369.971.174 đồng.

- Đối với tiền gốc 300.000.000 đồng: ông T1 chưa trả tiền gốc, lãi trong hạn 15.962.876 đồng, lãi suất quá hạn đến ngày 15/12/2023 là 87.372.913 đồng, số tiền phải trả 403.335.789 đồng.

- Đối với thẻ tín dụng: số tiền ông T1 sử dụng 40.591.352 đồng, lãi suất đối với số tiền ông T1 sử dụng là 20.578.147 đồng, số tiền phí 54.653.177 đồng, số tiền phải trả đối với thẻ tín dụng 117.891.167 đồng.

Tổng cộng, Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải trả:

Đối với khoản vay 800.000.000 đồng: Yêu cầu số tiền vốn 564.874.871 đồng và lãi suất 220.276.537 đồng, (lãi suất tính đến ngày 29/01/2023)

Đối với thẻ tín dụng: Yêu cầu trả vốn 40.591.352 đồng, tiền lãi 22.609.769 đồng, phí phạt 59.525.971 đồng.

Tổng cộng yêu cầu số tiền 907.878.446 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi xét xử, đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành T1 trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của Ngân hàng về nội dung vay tiền của ông. Tuy nhiên, do tình hình dịch covid 19 khó khăn, nên ông không có khả năng trả nợ, ông có đến H – chi nhánh C1 và trụ sở chính H tại Thành phố Hồ Chí Minh để xin giảm lãi suất, yêu cầu Ngân hàng không phạt lãi quá hạn và không đưa vào nhóm nợ xấu nhưng không được chấp nhận. Nay ông xin miễn đóng toàn bộ lãi phạt quá hạn đối với số tiền vay 800.000.000 đồng; đối với thẻ tín dụng ông xin trả gốc 40.591.352 đồng, cho ông miễn lãi và số tiền phí. Phương thức trả nợ, xin được trả dần 30.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

- Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H (H).

Buộc ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H số tiền 907.878.446 đồng.

Kể từ ngày 30/01/2024 ông T1 còn phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 giữa ông T1 với Ngân hàng trên dư nợ gốc còn lại cho đến khi trả dứt nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 0266/18/HĐBĐ-209 ngày 16/3/2018 Văn phòng C2 chứng nhận ngày 16/3/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/3/2018 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Trường hợp ông T1 thanh toán xong khoản nợ, Ngân hàng có nghĩa vụ xóa đăng ký thế chấp và hoàn trả lại cho ông, bà các giấy tờ đã thế chấp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 29/11/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin miễn đóng toàn bộ lãi phạt quá hạn đối với số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng; đối với hợp đồng thẻ tín dụng thì ông T1 xin trả gốc, xin miễn lãi và số tiền phí, xin được miễn, giảm án phí. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 30/01/2024 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về hợp đồng tín dụng:

Ông Nguyễn Thành T1 thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD/PL01 ngày 08/4/2021 để vay của H, chi nhánh C1 tổng số tiền là 800.000.000 đồng, bảo đảm khoản vay bằng hợp đồng thế chấp số 0266/18/HĐBĐ-209 ngày 16/3/2018, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03143 QSDĐ/pL do UBND huyện A cấp ngày 28/10/2002 cho Nguyễn Thành T1. Tính đến ngày 29/01/2024, ông trị đã trả được số tiền vốn gốc là 235.125.129 đồng, còn nợ lại số tiền vốn gốc là 564.874.871 đồng và lãi suất 220.276.537 đồng (lãi trong hạn 15.962.876 đồng, lãi quá hạn là 204.313.661 đồng).

Ngoài ra, ông T1 còn ký kết hợp đồng mở thẻ tín dụng của H1 với hạn mức là 50.000.000 đồng, ông đã sử dụng và còn nợ lại số tiền gốc là 40.591.352 đồng, lãi 23.113.717 đồng và phí phạt 59.562.259 đồng.

Các hợp đồng trên đều được ký kết trên cơ sở tự nguyện. Ông T1 đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện việc thanh toán nợ theo thỏa thuận đã ký kết với H nên H khởi kiện yêu cầu ông T1 trả vốn và lãi là phù hợp với quy định tại khoản 2

Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Ông T1 thừa nhận số tiền nợ như trình bày của nguyên đơn, chỉ xin được miễn lãi phạt đối với số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD/PL01 ngày 08/4/2021, xin được miễn lãi và phí đối với thẻ tín dụng và xin được trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ, Tuy nhiên, yêu cầu của ông không được đại diện H chấp nhận.

Do đó cấp sơ thẩm buộc ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng đã ký kết với H là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1:

Hội đồng xét xử nhận thấy, H và ông Nguyễn Thành T1 có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng mở thẻ tín dụng. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay, lãi suất quá hạn. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 tiếp tục xin được miễn lãi phạt đối với số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 108/20PGDChĐ/HĐTD/PL01 ngày 08/4/2021, xin được miễn lãi và phí đối với thẻ tín dụng nhưng đại diện H không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Ông T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại Quyết định của Bản án số 24/2024/DS-ST ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú tuyên buộc ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H số tiền 907.878.446 đồng, không ghi rõ số tiền vốn gốc và lãi, gây khó khăn cho giai đoạn thi hành án khi tính lãi suất chậm thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên.

Ngoài ra, bị đơn có hai khoản nợ, được ký kết hai hợp đồng khác nhau về lãi suất, cấp sơ thẩm tuyên gộp chung tính lãi suất theo hợp đồng 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 là không chính xác, tuy nhiên nguyên đơn thống nhất theo bản án sơ thẩm, không kháng cáo và không có ý kiến đề nghị thay đổi, có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên việc tính lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ gốc của bị đơn chưa thanh toán.

[5] Về án phí

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí với lý do: Từ khi dịch bệnh Covid kinh tế của ông rất khó khăn, không có khả năng chịu tiền án phí. Theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, trường hợp ông T1 khó khăn về kinh tế không có tài sản để nộp án phí do tình huống bất khả kháng (dịch bệnh C) có xác nhận của chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% tiền án phí sơ thẩm cho ông T1.

Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú về án phí và cách tuyên án.

[5] Đối với các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H (H).

Buộc ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H số tiền 907.878.446 đồng; trong đó vốn gốc là 605.466.223 đồng và lãi suất tính đến ngày 29/01/2024 là 242.886.252 đồng, phí là 59.525.971 đồng.

Kể từ ngày 30/01/2024 ông Nguyễn Thành T1 còn phải chịu lãi theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 108/20PGDChĐ/HĐTD ngày 26/02/2020 giữa ông T1 với H trên dư nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 0266/18/HĐBĐ-209 ngày 16/3/2018 Văn phòng C2 chứng nhận ngày 16/3/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/3/2018 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Trường hợp ông T1 thanh toán xong khoản nợ, Ngân hàng có nghĩa vụ xóa đăng ký thế chấp và hoàn trả lại cho ông, bà các giấy tờ đã thế chấp.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố H được nhận lại số tiền 18.727.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009075 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

+ Ông Nguyễn Thành T1 phải chịu 19.618.177 đồng (Mười chín triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành T1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009212 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THA-DS huyện An Phú;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Giao